

PHỤ LỤC

Bổ sung dự toán ngân sách năm 2026 cho các cơ quan, đơn vị để thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định 161/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 7 năm 2026 của UBND xã Đức An)

ĐVT: Đồng

Stt	Nội dung	Mã ĐVQHNS	Khoản	Kinh phí phân bổ	Ghi chú
1	Văn phòng HDND & UBND xã Đức An	1156632		227.424.000	
	Nguồn kinh phí giao tự chủ, giao khoán			165.655.000	
-	Lương và phụ cấp theo lương do tăng mức lương cơ sở từ 2.340.000 lên 2.530.000đ theo Nghị định 161/2026/NĐ-CP, ngày 15/5/2026 của Chính phủ	830	341	165.655.000	
	Nguồn kinh phí không giao chế độ tự chủ, không giao khoán			61.769.000	
-	Kinh phí hỗ trợ người hoạt động không chuyên trách ở xã, thôn, bon, tổ dân phố do tăng mức lương cơ sở từ 2.340.000 lên 2.530.000đ theo Nghị định 161/2026/NĐ-CP, ngày 15/5/2026 của Chính phủ	830	341	48.188.000	
-	Kinh phí phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân do tăng mức lương cơ sở từ 2.340.000 lên 2.530.000đ theo Nghị định 161/2026/NĐ-CP, ngày 15/5/2026 của Chính phủ	830	341	9.542.000	
-	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ hợp đồng theo nghị định 173/2025/NĐ- CP ngày 30/6/2026 do tăng mức lương cơ sở từ 2.340.000 lên 2.530.000đ theo Nghị định 161/2026/NĐ-CP, ngày 15/5/2026 của Chính phủ	830	341	4.039.000	
2	Phòng Kinh tế xã Đức An	1156009		97.870.000	
	Nguồn kinh phí giao tự chủ, giao khoán			97.870.000	
-	Lương và phụ cấp theo lương do tăng mức lương cơ sở từ 2.340.000 lên 2.530.000đ theo Nghị định 161/2026/NĐ-CP, ngày 15/5/2026 của Chính phủ	831	341	97.870.000	
3	Văn phòng Đảng ủy	1157723		347.060.000	
	Nguồn kinh phí giao tự chủ, giao khoán			285.460.000	
-	Lương và phụ cấp theo lương do tăng mức lương cơ sở từ 2.340.000 lên 2.530.000đ theo Nghị định 161/2026/NĐ-CP, ngày 15/5/2026 của Chính phủ	819	351	285.460.000	
	Nguồn kinh phí không giao chế độ tự chủ, không giao khoán			61.600.000	
-	Kinh phí hỗ trợ người hoạt động không chuyên trách ở xã, thôn, bon, tổ dân phố do tăng mức lương cơ sở từ 2.340.000 lên 2.530.000đ theo Nghị định 161/2026/NĐ-CP, ngày 15/5/2026 của Chính phủ	819	351	50.600.000	
-	Phụ cấp trách nhiệm đối với cấp ủy viên các cấp theo Quy định số 169-QĐ/TW o tăng mức lương cơ sở từ 2.340.000 lên 2.530.000đ theo Nghị định 161/2026/NĐ-CP, ngày 15/5/2026 của Chính phủ	819	351	11.000.000	
4	Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã Đức An	3034911		49.070.000	
	Nguồn kinh phí giao tự chủ, giao khoán			49.070.000	
-	Lương và phụ cấp theo lương do tăng mức lương cơ sở từ 2.340.000 lên 2.530.000đ theo Nghị định 161/2026/NĐ-CP, ngày 15/5/2026 của Chính phủ	821	338	49.070.000	
5	Phòng văn hóa -xã hội	1160693	341	89.330.000	
	Nguồn kinh phí không thực hiện tự chủ			89.330.000	
-	Lương và phụ cấp theo lương do tăng mức lương cơ sở từ 2.340.000 lên 2.530.000đ theo Nghị định 161/2026/NĐ-CP, ngày 15/5/2026 của Chính phủ	832	341	89.330.000	

6	Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam	1158656	341	184.060.000	
	Nguồn kinh phí giao tự chủ, giao khoán			93.760.000	
-	Lương và phụ cấp theo lương do tăng mức lương cơ sở từ 2.340.000 lên 2.530.000đ theo Nghị định 161/2026/NĐ-CP, ngày 15/5/2026 của Chính phủ	820	361	93.760.000	
	Nguồn kinh phí không giao chế độ tự chủ, không giao khoán			90.300.000	
-	Kinh phí hỗ trợ người hoạt động không chuyên trách ở xã, thôn, bon, tổ dân phố do tăng mức lương cơ sở từ 2.340.000 lên 2.530.000đ theo Nghị định 161/2026/NĐ-CP, ngày 15/5/2026 của Chính phủ	820	361	90.300.000	
7	Trung tâm hành chính công	1157178		30.910.000	
	Nguồn kinh phí giao tự chủ, giao khoán			30.910.000	
-	Lương và phụ cấp theo lương do tăng mức lương cơ sở từ 2.340.000 lên 2.530.000đ theo Nghị định 161/2026/NĐ-CP, ngày 15/5/2026 của Chính phủ	833	341	30.910.000	
8	Trung tâm chính trị	1165006		19.770.000	
	Nguồn kinh phí giao tự chủ, giao khoán			19.770.000	
-	Lương và phụ cấp theo lương do tăng mức lương cơ sở từ 2.340.000 lên 2.530.000đ theo Nghị định 161/2026/NĐ-CP, ngày 15/5/2026 của Chính phủ	989	085	19.770.000	
9	Trường mầm non Hướng Dương	1111622		250.060.000	
	Nguồn kinh phí giao tự chủ, giao khoán			250.060.000	
-	Lương và phụ cấp theo lương do tăng mức lương cơ sở từ 2.340.000 lên 2.530.000đ theo Nghị định 161/2026/NĐ-CP, ngày 15/5/2026 của Chính phủ	822	071	250.060.000	
10	Trường mầm non Hoa Sen	1111623		232.522.000	
	Nguồn kinh phí giao tự chủ, giao khoán			232.522.000	
-	Lương và phụ cấp theo lương do tăng mức lương cơ sở từ 2.340.000 lên 2.530.000đ theo Nghị định 161/2026/NĐ-CP, ngày 15/5/2026 của Chính phủ	822	071	232.522.000	
11	Trường mầm non Sơn Ca	1111620	071	175.314.000	
	Nguồn kinh phí giao tự chủ, giao khoán			175.314.000	
-	Lương và phụ cấp theo lương do tăng mức lương cơ sở từ 2.340.000 lên 2.530.000đ theo Nghị định 161/2026/NĐ-CP, ngày 15/5/2026 của Chính phủ	822	071	175.314.000	
12	Trường TH Tô Hiệu	1091573		293.392.000	
	Nguồn kinh phí giao tự chủ, giao khoán			293.392.000	
-	Lương và phụ cấp theo lương do tăng mức lương cơ sở từ 2.340.000 lên 2.530.000đ theo Nghị định 161/2026/NĐ-CP, ngày 15/5/2026 của Chính phủ	822	072	293.392.000	
13	Trường THCS Trần Phú	1091572		427.946.000	
	Nguồn kinh phí giao tự chủ, giao khoán			427.946.000	
-	Lương và phụ cấp theo lương do tăng mức lương cơ sở từ 2.340.000 lên 2.530.000đ theo Nghị định 161/2026/NĐ-CP, ngày 15/5/2026 của Chính phủ	822	073	427.946.000	
14	Trường THCS Nguyễn Tất Thành	1108232		376.699.000	
	Nguồn kinh phí giao tự chủ, giao khoán			376.699.000	
-	Lương và phụ cấp theo lương do tăng mức lương cơ sở từ 2.340.000 lên 2.530.000đ theo Nghị định 161/2026/NĐ-CP, ngày 15/5/2026 của Chính phủ	822	073	376.699.000	
15	Trường THCS Lý Thường Kiệt	1091594		424.131.000	
	Nguồn kinh phí giao tự chủ, giao khoán			424.131.000	
-	Lương và phụ cấp theo lương do tăng mức lương cơ sở từ 2.340.000 lên 2.530.000đ theo Nghị định 161/2026/NĐ-CP, ngày 15/5/2026 của Chính phủ	822	073	424.131.000	

16	Trường tiểu học Nguyễn Bình Khiêm	1091469		384.900.000	
	Nguồn kinh phí giao tự chủ, giao khoán			384.900.000	
-	Lương và phụ cấp theo lương do tăng mức lương cơ sở từ 2.340.000 lên 2.530.000đ theo Nghị định 161/2026/NĐ-CP, ngày 15/5/2026 của Chính phủ	822	072	384.900.000	
17	Trường tiểu học Chu Văn An	1091443		306.422.000	
	Nguồn kinh phí không thực hiện tự chủ			306.422.000	
-	Lương và phụ cấp theo lương do tăng mức lương cơ sở từ 2.340.000 lên 2.530.000đ theo Nghị định 161/2026/NĐ-CP, ngày 15/5/2026 của Chính phủ	822	072	306.422.000	
18	Trường tiểu học Nguyễn Đình Chiểu	1111625		258.970.000	
	Nguồn kinh phí giao tự chủ, giao khoán			258.970.000	
-	Lương và phụ cấp theo lương do tăng mức lương cơ sở từ 2.340.000 lên 2.530.000đ theo Nghị định 161/2026/NĐ-CP, ngày 15/5/2026 của Chính phủ	822	072	258.970.000	
19	Trường tiểu học Lê Văn Tám	1111626		201.248.000	
	Nguồn kinh phí giao tự chủ, giao khoán			201.248.000	
-	Lương và phụ cấp theo lương do tăng mức lương cơ sở từ 2.340.000 lên 2.530.000đ theo Nghị định 161/2026/NĐ-CP, ngày 15/5/2026 của Chính phủ	822	072	201.248.000	
20	Trường tiểu học Trần Hưng Đạo	1125654		204.731.000	
	Nguồn kinh phí giao tự chủ, giao khoán			204.731.000	
-	Lương và phụ cấp theo lương do tăng mức lương cơ sở từ 2.340.000 lên 2.530.000đ theo Nghị định 161/2026/NĐ-CP, ngày 15/5/2026 của Chính phủ	822	072	204.731.000	
21	Trạm y tế xã Đức An			173.207.000	
	Nguồn kinh phí giao tự chủ, giao khoán	1168653		173.207.000	
-	Lương và phụ cấp theo lương do tăng mức lương cơ sở từ 2.340.000 lên 2.530.000đ theo Nghị định 161/2026/NĐ-CP, ngày 15/5/2026 của Chính phủ	823	132	173.207.000	
Tổng cộng				4.755.036.000	